CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Date: 2025.09.24 21:29:55 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2409/2025/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty"); và*
- *Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số: 2409/2025/BB-HĐQT ngày 24 /9/2025.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua và ban hành các Tờ trình để cập nhật, bổ sung các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp bất thường lần 2 năm 2025) của Công ty, cụ thể như sau:

1. Cập nhật các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp bất thường lần 2 năm 2025) đã gửi cổ đông và đăng tải trên Website Công Ty ngày 08/9/2025, cụ thể:

a) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số: 2409/2025/CTH-HĐQT ngày 24/09/2025 thay thế Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số: 0809/2025/CTH-HĐQT ngày 08/9/2025.

b) Tờ trình số: 12/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 thay thế Tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT ngày 08/9/2025 của Hội đồng quản trị về việc "*Thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*";

c) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thay thế Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã công bố thông tin và đăng tải trên website Công Ty ngày 08/9/2025.

d) Mẫu Phiếu biểu quyết thay thế mẫu Phiếu biểu quyết đã công bố thông tin và đăng

tải trên website Công Ty ngày 08/9/2025.

2. Cập nhật bổ sung các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp bất thường lần 2 năm 2025), bao gồm:

a) Tờ trình số: 13/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan*";

b) Tờ trình số: 14/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ*";

c) Tờ trình số: 04/2025/TTr-BKS ngày 24/9/2025 về việc: "*Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo về vốn Điều lệ đã góp*";

d) Tờ trình số: 15/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: *"Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được kiểm toán"*

e) Tờ trình số: 16/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Hủy bỏ việc phát hành và chào bán trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi riêng lẻ";*

f) Tờ trình số: 17/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS";*

g) Tờ trình số: 18/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS";*

h) Tờ trình số: 19/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS";*

i) Tờ trình số: 05/2025/TTr-BKS ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS";*

j) Tờ trình số: 20/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025 về việc: "*Thông qua danh sách ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030";*

3. Ngoài các tài liệu đã cập nhật nêu tại khoản 1 và 2 Điều này, các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp bất thường lần 2) đã gửi cổ đông và đăng tải trên Website Công Ty ngày 08/9/2025 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các cá nhân, phòng ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- *Như Điều 2 (để thực hiện);*
- *BKS (để báo cáo); và*
- *Lưu VP HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Trụ sở chính: Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0104979904

Số: 2409/2025/CTH-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

Thời gian dự kiến: 8 giờ 00 phút ngày 29/9/2025.

Địa điểm: Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

STT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG DỰ KIẾN
I	**8:00 – 8:30**	**ĐÓN KHÁCH VÀ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG DỰ HỌP**
II	**8:30 – 9:05**	**KHAI MẠC**
1	8:30 – 8:35	Nghi thức khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự
2	8:35 - 8:40	Giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp
3	8:40 – 8:45	Giới thiệu thành phần tham dự
4	8:45 – 8:50	Giới thiệu Chủ tọa và Thư ký
5	8:50 – 8:55	Bầu Ban Kiểm phiếu
6	8:55 – 9:00	Trình bày, thảo luận, biểu quyết và thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025
7	9:00 – 9:05	Trình bày, thảo luận, biểu quyết và thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025
III	**9:05 – 10:00**	**NỘI DUNG HỌP**
1	9:05 – 9:10	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
2	9:10 – 9:25	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc Thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan.
3	9:25 – 9:30	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn

		điều lệ
4	9:30 – 9:35	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025.
5	9:35 – 9:40	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6	9:40 - 10:00	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo về vốn Điều lệ đã góp.
7	10:00 – 10:10	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được kiểm toán.
8	10:10 - 10:20	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc hủy bỏ việc phát hành và chào bán trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi riêng lẻ.
9	10:20 - 10:30	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
10	10:30 - 10:35	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
11	10:35 – 10:40	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
12	10:40 – 10:45	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
13	10:45 – 10:50	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
14	10:50 – 10:55	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Quy chế bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
15	10:55 – 11:00	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua danh sách ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030.
16	11:00 – 11:10	Tiến hành bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030.

17	11:10 – 11:20	Trình bày kết quả kiểm phiếu tổng hợp; trình bày, thảo luận và thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025
IV	11:20 – 11:25	**BẾ MẠC**

Nơi nhận:
- *HĐQT, BKS (để báo cáo); và*
- *Lưu: BTL.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2015

Số: 12/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");*
- *Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**");*
- *Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**"); và*
- *Quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan;*

Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") kính trình Đại Hội đồng Cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét, thông qua việc phát hành cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**VPS**" hoặc "**Công Ty**") để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành và các vấn đề liên quan cụ thể như sau:

1. Thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần của Công Ty ("**Đợt Phát Hành**") được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ("**Phương Án Phát Hành**"). Thông qua và phê duyệt toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm Tờ trình này.
2. Thông qua việc Công Ty tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Phát Hành với các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Phát Hành được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.
3. Thông qua việc sửa đổi Điều 11 Điều Lệ về Vốn điều lệ và các loại cổ phần để phản ánh thực tế kết quả tăng vốn điều lệ.

4. Thông qua việc ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc như sau:

a) Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định việc triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo Đợt Phát Hành được thành công.

b) Quyết định thời điểm phù hợp để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền.

c) Quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ từ Đợt Phát Hành.

d) Thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**"), bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu cho UBCKNN và báo cáo UBCKNN về kết quả Đợt Phát Hành.

e) Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả Đợt Phát Hành.

f) Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để ghi nhận mức vốn điều lệ mới tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành Đợt Phát Hành.

g) Quyết định phương án và triển khai phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

h) Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong phạm vi giao/ủy quyền nêu trên, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định pháp luật.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Tờ trình số 12./2025/TTr-HĐQT ngày 24. tháng 09. năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Phương án phát hành này (**"Phương Án Phát Hành"**) là cơ sở cho việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**"Đợt Phát Hành"**) để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (**"Công Ty"** hoặc **"VPS"**) theo quy định tại:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành (**"Luật Doanh Nghiệp"**);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành (**"Luật Chứng Khoán"**);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung (**"Nghị Định 155"**);
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung (**"Thông Tư 121"**);
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (**"Điều Lệ"**); và
- Quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiệu hữu của VPS theo các nội dung trình bày dưới đây.

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Mục đích của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VPS cho các cổ đông hiện hữu là nhằm tăng quy mô vốn hoạt động và năng lực tài chính của VPS, phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN ĐỢT PHÁT HÀNH

1.	Tên tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
2.	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
3.	Mệnh giá	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
5.	Số lượng cổ phiếu trước Đợt Phát Hành	:	570.005.700 cổ phiếu.
6.	Vốn điều lệ trước Đợt Phát Hành	:	5.700.057.000.000 đồng (*Năm nghìn bảy trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	710.000.000 cổ phiếu.
8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	7.100.000.000.000 đồng *(Bảy nghìn, một trăm tỷ đồng)*.
9.	Số lượng cổ phiếu dự kiến sau Đợt Phát Hành	:	1.280.005.700 cổ phiếu.
10.	Vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Phát Hành	:	12.800.057.000.000 đồng *(Mười hai nghìn, tám trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu đồng)*.
11.	Hình thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
12.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	Cổ đông phổ thông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận cổ phiếu với tỷ lệ 1: 1,245601579. Theo đó, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông phổ thông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được nhận thêm 1,245601579 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được nhận sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc sau: Nếu chữ số sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng 4 thì sẽ làm tròn lên 1 đơn vị, nếu chữ số sau dấu phẩy nhỏ hơn 4 thì sẽ làm tròn xuống là 0 đơn vị. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) khi làm tròn theo nguyên tắc này sẽ do Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") Công Ty quyết định. *Ví dụ: Vào thời điểm chốt danh sách, ông Nguyễn Văn A sở hữu 100.100 cổ phiếu phổ thông; tương đương với 0,0176% vốn điều lệ. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông Nguyễn Văn A được nhận như sau: (100.100 x 1,245601579)/1 = 124.684,72 cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu phổ thông mà cổ đông A được nhận là 124.685 cổ phiếu.* *Như vậy, sau khi nhận cổ phiếu, số cổ phiếu do ông Nguyễn Văn A sở hữu sau Đợt Phát Hành này là: 224.785 cổ phiếu, tương đương với 0,0176 % vốn điều lệ mới.*
13.	Nguồn vốn phát hành	:	Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công Ty, bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên số liệu ghi nhận tại Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 kết thúc ngày 30/6/2025 của VPS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

			Các nguồn vốn cụ thể như sau: - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 85.464.382.859 đồng - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: 103.007.140.959 đồng - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6.911.528.476.182 đồng **Tổng cộng: 7.100.000.000.000 đồng.** Tổng giá trị các nguồn phát hành quy định tại Mục 13 này đảm bảo không thấp hơn tổng giá trị vốn cổ phần tăng thêm và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
14.	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ, đảm bảo rằng điều kiện phát hành và quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư được nhận cổ phiếu lẻ không thuận lợi hơn so với điều kiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.
15.	Đối tượng phát hành	:	Cổ đông phổ thông hiện hữu của VPS có trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền.
16.	Giá chào bán	:	Không áp dụng.
17.	Hạn chế chuyển nhượng	:	Cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng.
18.	Thời gian dự kiến phát hành	:	Trong giai đoạn Quý IV năm 2025 và năm 2026 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT và sau khi có văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
19.	Luật điều chỉnh	:	Luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2015

Số: 13/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");*
- *Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 118**");*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**");*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**");*
- *Căn cứ quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan cũng như nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;*

Hội đồng Quản trị (**"HĐQT"**) kính trình Đại hội đồng cổ đông (**"ĐHĐCĐ"**) xem xét, thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan cụ thể như sau:

1. Việc chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

1.1 Thông qua việc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**VPS**" hoặc "**Công Ty**") chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("**Cổ Phiếu**") ("**Đợt Chào Bán**") được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ("**Phương Án Phát Hành**").

1.2 Thông qua toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm tại Phụ lục của Tờ trình này.

2. Kế hoạch VPS tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Chào Bán: Các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Chào Bán được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.

3. Việc đăng ký, lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết cổ phiếu:

3.1 Thông qua việc toàn bộ cổ phiếu VPS sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sau khi kết thúc Đợt Chào Bán theo quy định tại Phương Án Phát Hành và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có hiệu lực vào từng thời điểm.

3.2 Trong trường hợp sau khi hoàn tất Đợt Chào Bán mà VPS không đáp ứng điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, VPS cam kết thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) theo quy định pháp luật.

4. Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

4.1 Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của VPS là 100% (một trăm phần trăm).

4.2 Giao/ ủy quyền cho HĐQT:

a) Thực hiện các công việc cần thiết đảm bảo Đợt Chào Bán đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

b) Chủ động điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa phù hợp với nhu cầu thay đổi của VPS và yêu cầu của pháp luật hiện hành (nếu có);

c) Thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ("**UBCKNN**").

4.3 Nhà đầu tư nước ngoài tham gia Đợt Chào Bán phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Chứng Khoán và pháp luật có liên quan.

5. Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ của Công Ty

Thông qua việc sửa đổi Điều 11 Điều Lệ về Vốn điều lệ và các loại cổ phần để phản ánh thực tế kết quả tăng vốn điều lệ. Giao và ủy quyền cho HĐQT ban hành Điều Lệ sửa đổi và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

6. Thông qua việc giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc.

Ngoài các công việc giao/ủy quyền đã đề cập ở các mục trên, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

6.1. Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định triển khai phương án chào bán chi tiết, bao gồm giá chào bán, thời điểm chào bán, phương thức phân phối, các chi phí có liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu và các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai Phương Án Phát Hành, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ và tình hình thị trường chứng khoán để đảm bảo Đợt Chào Bán thành công.

6.2. Tổ chức thực hiện việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng theo Phương Án Phát Hành; quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành Cổ Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn việc gia hạn thời điểm này nếu cần thiết, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành); và căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu kinh doanh của VPS, lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện thủ tục chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng sau khi có chấp thuận của UBCKNN (bao gồm nhưng không giới hạn việc gia hạn thời gian chào bán, phân phối Cổ Phiếu) bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6.3. Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Phân bổ số tiền thu được (bao gồm cả nguồn thặng dư (nếu có)) để sử dụng cho các mục đích và phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt; và

b) Thời điểm sử dụng nguồn vốn thu được.

6.4. Quyết định mọi vấn đề và thực hiện mọi thủ tục và công việc cần thiết khác phù hợp với Tờ trình này, Phương Án Phát Hành, Điều Lệ và quy định pháp luật liên quan để triển khai Phương Án Phát Hành.

6.5. Quyết định nội dung cụ thể, tổ chức thương lượng, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng, kể cả các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với các tài liệu đó (nếu có).

6.6. Quyết định lựa chọn, tổ chức đàm phán, ký kết và thực hiện các thỏa thuận/hợp đồng hoặc các tài liệu liên quan để lựa chọn/chỉ định các tổ chức/cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu.

6.7. Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng với UBCKNN, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:

a) Chủ trì xây dựng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng;

c) Làm việc và giải trình với UBCKNN, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng; và

d) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà Công Ty thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng với UBCKNN và việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng.

6.8. Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công Ty sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc:

a) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của VPS;

b) Điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VPS và hồ sơ khác có liên quan (nếu có);

c) Sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều Lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng Cổ Phiếu thực tế phát hành theo Phương Án Phát Hành và các nội dung thay đổi liên quan khác (nếu có);

d) Thông báo thay đổi đến VSDC; và

e) Thực hiện các thủ tục khác có liên quan (nếu có).

6.9. Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký, lưu ký tập trung cổ phiếu của VPS tại VSDC ("**Đăng Ký**") và đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu của VPS tại Sở Giao dịch chứng khoán ("**Niêm Yết**"), bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

a) Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Làm việc và giải trình với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hồ sơ Đăng Ký, Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết; và

c) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà HĐQT thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký và Niêm Yết.

6.10. Tổ chức thực hiện quyết định của UBCKNN trong trường hợp Đợt Chào Bán bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán và quyết định, triển khai và thực hiện các thủ tục cần thiết khi hủy bỏ Đợt Chào Bán theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cổ đông và Công Ty.

6.11. Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến các vấn đề nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong quá trình thực hiện các công việc được giao/ủy quyền này, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân/đơn vị khác thực hiện các công việc nêu trên, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Tờ trình số 13/2025/TTr-HĐQT ngày 24 tháng 09 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("**Cổ Phiếu**") ("**Đợt Chào Bán**") của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Công Ty**" hoặc "**VPS**") theo quy định tại:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**"); và
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 118**").

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty theo các nội dung trình bày dưới đây.

Tại ngày 29 tháng 09 năm 2025, là ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ của Công Ty để thông qua nội dung Tờ trình này, ĐHĐCĐ của Công Ty cũng sẽ xem xét thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Tờ trình số 12/2025/TTr- HĐQT ngày 24 tháng 09 năm 2025 của HĐQT và dự kiến thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tăng vốn này với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng hoặc trước thời điểm xin chấp thuận và thực hiện Đợt Chào Bán ("**Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu**"). Do đó, các nội dung liên quan đến Đợt Chào Bán dưới đây sẽ được trình bày trong tương quan với các nội dung của Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu.

I. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.

4. Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 (mười nghìn) đồng/Cổ Phiếu.
5. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này:		
- Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	5.700.057.000.000 (Năm nghìn bảy trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu) đồng.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	570.005.700 (Năm trăm bảy mươi triệu, không trăm linh năm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	0 (không) cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến diễn ra trước khi thực hiện Đợt Chào Bán)		
- Vốn điều lệ tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	12.800.057.000.000 (Mười hai nghìn tám trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu) đồng.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	1.280.005.700 (Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, không trăm linh lăm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	0 (không) cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến		Tối đa 202.310.000 (Hai trăm linh hai triệu, ba trăm mười nghìn) Cổ Phiếu.
8. Tỷ lệ chào bán dự kiến		
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này	:	Tối đa 35,49% (Ba mươi lăm phẩy bốn mươi chín phần trăm).
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so	:	Tối đa 15,81% (Mười lăm phẩy tám mươi mốt

với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)		phần trăm).
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hoàn tất Đợt Chào Bán		Tối đa 13,65% (Mười ba phẩy sáu mươi lăm phần trăm).
9. Tổng giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá)	:	Tối đa 2.023.100.000.000 (Hai nghìn không trăm hai mươi ba tỷ, một trăm triệu) đồng.
10. Số lượng cổ phiếu lưu hành sau Đợt Chào Bán (dự kiến)		
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không được hoàn tất	:	Tối đa 772.315.700 (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu.
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu được hoàn tất	:	Tối đa 1.482.315.700 (Một tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu.
11. Vốn điều lệ sau Đợt Chào Bán (dự kiến)		
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không được hoàn tất	:	Tối đa 7.723.157.000.000 (Bảy nghìn, bảy trăm hai mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu) đồng.
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu được hoàn tất	:	Tối đa 14.823.157.000.000 (Mười bốn nghìn tám trăm hai mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu) đồng.
12. Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành.
13. Đối tượng chào bán	:	Chào bán cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phiếu Công Ty, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền mua cổ phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều Lệ và Phương Án Phát Hành này.
14. Giá chào bán	:	Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán dựa theo Nguyên tắc xác định giá chào bán tại Mục 15 và theo tình hình thực tế của thị trường để Đợt Chào Bán thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ Đợt Chào Bán.
15. Nguyên tắc xác định giá chào bán	:	Giá chào bán được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công Ty theo Báo cáo tài chính giữa niên độ

năm 2025 đã được kiểm toán.

16. Phương thức phân phối	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn phương thức phân phối phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của Công Ty tại thời điểm thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn việc Công Ty tự thực hiện phân phối Cổ Phiếu và thông qua (các) đại lý phân phối.
17. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty đã được ĐHĐCĐ thông qua là 100% *(một trăm phần trăm).* ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán Cổ Phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.
18. Thời gian chào bán dự kiến	:	Dự kiến từ Quý IV năm 2025 đến Quý I năm 2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Thời điểm chào bán chính thức do HĐQT quyết định phù hợp với Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật có liên quan.
19. Đăng ký niêm yết	:	Cổ phiếu được đăng ký giao dịch, đăng ký niêm yết theo quy định hiện hành.
20. Các vấn đề khác của Đợt Chào Bán	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định, thông qua phù hợp với Phương Án Phát Hành và quy định pháp luật hiện hành.

21. Phương án xử lý trong trường hợp Cổ Phiếu lẻ, Cổ Phiếu còn lại chưa phân phối hết (“**Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết**”):

a) Đối với toàn bộ Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết trong Đợt Chào Bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp đủ tiền mua, số cổ phiếu lẻ), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết cho các nhà đầu tư khác: (i) ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư và tiếp tục chào bán số Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết này; và (ii) điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn và giá bán tối thiểu không thấp hơn so với giá đã chào bán cho nhà đầu tư đã đăng ký tham gia Đợt Chào Bán ban đầu.

b) Số Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết được chào bán cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

c) Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số lượng Cổ Phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu dư này và điều chỉnh

giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối trong Đợt Chào Bán.

22. Hạn chế chuyển nhượng:

a) Toàn bộ Cổ Phiếu chào bán *(bao gồm Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết là cổ phiếu lẻ và không bao gồm số lượng Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết trình bày tại đoạn 22.b dưới đây)* sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Số lượng Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết (trừ Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết là cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là nhằm nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động của VPS để phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển nguồn nhân lực.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán (theo mệnh giá) là 2.023.100.000.000 VND (Hai nghìn không trăm hai mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng) cùng với cả nguồn thặng dư (nếu có) từ Đợt Chào Bán, dự kiến được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Công Ty phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (% số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)
1	Thực hiện cho vay giao dịch ký quỹ	74%
2	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	20%
3	Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	6%

Phụ thuộc vào số vốn thu được thực tế sau Đợt Chào Bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công Ty xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán cho từng mục đích chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng tiền thu được từ Đợt Chào Bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng tiền thu được từ Đợt Chào Bán (không bao gồm thay đổi đối với mục đích sử dụng vốn) với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ Đợt Chào Bán và báo cáo ĐHĐCĐ về thay đổi đó tại cuộc họp gần nhất theo quy định pháp luật. Căn cứ phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán của HĐQT, cấp/người có thẩm quyền của Công Ty, căn cứ Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, quyết định sử dụng số tiền giải ngân từng lần theo từng mục đích sử dụng, đối tác/nhà thầu... phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch phát triển chung và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ Đợt Chào Bán tạm thời nhàn rỗi: Trong thời gian chưa sử dụng hết, số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán sẽ được Công Ty sử dụng để đầu tư giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu…và/hoặc gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Giấy phép TL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 15/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã kiểm toán và cụ thể như sau:

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo kiểm toán độc lập;
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
4. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ;
7. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- *Các Cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để báo cáo); và*
- *Lưu BTL*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.G.P: 120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
P. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Lâm Dũng

C.T.C.P
TY
ẦN
KHOÁN
S
G - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 16/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Hủy bỏ việc phát hành và chào bán trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi riêng lẻ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 1601.06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 ("**Nghị Quyết 1601**");*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**");*

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 1601.06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 đã thông qua việc: (1) phát hành và chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Trái Phiếu**") và (2) Phương án phát hành Trái Phiếu đính kèm Nghị Quyết 1601 ("**Phương Án Phát Hành**"). Căn cứ tình hình thị trường, Hội đồng quản trị đánh giá việc phát hành Trái Phiếu tại thời điểm này không còn phù hợp.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc hủy bỏ việc phát hành Trái Phiếu chuyển đổi riêng lẻ và Phương Án Phát Hành đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua tại Nghị Quyết 1601.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Các Cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 17/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

- **Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)**

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Điều Lệ");*

Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu hoạt động kinh doanh, quản trị thực tiễn của Công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều Lệ và kính trình Đại hội đồng Cổ đông :

1. Xem xét, thông qua Điều lệ của Công ty (*Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS đính kèm*). Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị quyết định, ban hành Điều lệ của Công ty đã được thông qua tại mục 1 này sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.
2. Điều lệ (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- *Các cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(Đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị số: 17/2025/TTr-HĐQT)

Tháng ___ năm ___

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **6**

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **6**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 6

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY **8**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công Ty 8

Điều 3. Người Đại Diện Theo Pháp Luật 9

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **10**

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công Ty 10

Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và nguyên tắc hoạt động của Công Ty 11

Điều 6. Quyền của Công Ty 13

Điều 7. Nghĩa vụ của Công Ty 13

Điều 8. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp 15

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN **15**

Điều 9. Vốn Điều Lệ, cổ phần 15

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu 16

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác 16

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 17

Điều 13. Mua lại cổ phần 17

Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều Lệ 18

Điều 15. Sổ đăng ký Cổ Đông trong trường hợp Công Ty chưa niêm yết 18

Điều 16. Phát hành chứng quyền có bảo đảm 19

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **19**

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 20

CHƯƠNG VI. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **20**

Điều 18. Quyền của Cổ Đông 20

Điều 19. Nghĩa vụ của Cổ Đông 24

Điều 20. Đại Hội Đồng Cổ Đông 26

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 27

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....29
Điều 23. Thay đổi các quyền 30
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 31
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....32
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 33
Điều 27. Bầu dồn phiếu 34
Điều 28. Điều kiện để nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua và hiệu lực nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....35
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 36
Điều 30. Nghị quyết, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....38
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....39
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị và tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị 39
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 41
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.....43
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 44
Điều 36. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....46
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.....47
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 49
Điều 39. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị 50
Điều 40. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị 51
Điều 41. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản 53
Điều 42. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email).....54
Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 56
Điều 44. Người phụ trách quản trị Công Ty.....56
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 57
Điều 45. Tổ chức bộ máy điều hành.....57
Điều 46. Người Điều Hành Công Ty.....57
Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám Đốc.....57
Điều 48. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ 60

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC BỘ PHẬN KHÁC 61
Điều 49. Ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên 61
Điều 50. Thành phần Ban Kiểm Soát 62
Điều 51. Trưởng Ban Kiểm Soát 63
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 63
Điều 53. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát 65
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên 65
Điều 55. Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ 66
Điều 56. Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro 67
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY 67
Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 67
Điều 58. Các giao dịch phải được chấp thuận 68
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 69
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 70
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 70
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 70
Điều 61. Công nhân viên và công đoàn 71
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH. 71
Điều 62. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh 71
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 72
Điều 63. Tài khoản ngân hàng 72
Điều 64. Năm tài chính 72
Điều 65. Chế độ kế toán 72
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÁC LOẠI BÁO CÁO KHÁC VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 73
Điều 66. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 73
Điều 67. Báo cáo thường niên và các loại báo cáo khác 73
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 73
Điều 68. Kiểm toán 73
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY 74
Điều 69. Dấu của Công Ty 74

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY 74
Điều 70. Giải thể, phá sản và tổ chức lại Công Ty 74
Điều 71. Gia hạn hoạt động 75
Điều 72. Thanh lý 75
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 75
Điều 73. Giải quyết tranh chấp nội bộ 75
CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 76
Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 76
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC 76
Điều 75. Ngày hiệu lực 76

PHẦN MỞ ĐẦU

Trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này là căn cứ, quy định cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS, khi được thông qua, phê duyệt, chấp thuận một cách hợp lệ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động quản trị, kinh doanh và/hoặc các hoạt động khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này thay thế bản Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS được ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2025.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trong Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "**Luật Doanh Nghiệp**": là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

b) "**Luật Chứng Khoán**": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

c) "**Điều Lệ**": là Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

d) "**Việt Nam**": là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

e) "**Công Ty**": là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

f) "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**": là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

g) "**Hội Đồng Quản Trị**": là Hội đồng quản trị của Công Ty.

h) "**Ban Tổng Giám Đốc**": là Ban Tổng giám đốc của Công Ty, bao gồm: Tổng giám đốc của Công Ty và Phó Tổng giám đốc của Công Ty. Trong từng thời kỳ, nếu Công Ty không có Phó Tổng giám đốc thì đề cập đến "**Ban Tổng Giám Đốc**" là đề cập đến Tổng giám đốc của Công Ty.

i) "**Ban Kiểm Soát**": là Ban kiểm soát của Công Ty.

j) "**Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ**": là Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công Ty hoặc phòng/ban/đơn vị/ủy ban hoặc bất kỳ loại hình nào có chức năng tương đương của Công Ty theo quy định của Điều Lệ này.

k) "**Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ**": là Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty hoặc phòng/ban/đơn vị/ủy ban hoặc bất kỳ loại hình nào có chức năng tương đương của Công Ty theo quy định của Điều Lệ này

l) "**Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro**": là Bộ phận Quản trị rủi ro của Công Ty hoặc phòng/ban/đơn vị/ủy ban hoặc bất kỳ loại hình nào có chức năng tương đương của Công Ty theo quy định của Điều Lệ này.

m) "**Tổng Giám Đốc**": là Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty.

n) "**Phó Tổng Giám Đốc**": là Phó Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty.

o) "**Kiểm Soát Viên**": là Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát thuộc Ban Kiểm Soát.

p) "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**": là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

q) "**Người Điều Hành Công Ty**": là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng của Công Ty.

r) "**Người Quản Lý Công Ty**": là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.

s) "**Người Có Liên Quan**": là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán.

t) "**Cổ Đông**": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công Ty.

u) "**Cổ Đông Lớn**": là Cổ Đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.[1]

v) "**Vốn Điều Lệ**": là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 9 Điều Lệ này.

w) "**Ngày Thành Lập**": là ngày Công Ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.

x) "**Thời Hạn Hoạt Động**": là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có).

y) "**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**": là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

1.2. Diễn giải:

[1] Điều 4.18 Luật Chứng Khoán.

a) Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, thay thế của quy định hoặc văn bản đó.

b) Các tiêu đề của phần, chương, điều trong Điều Lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

c) Các thuật ngữ khác trong Điều Lệ này sẽ được hiểu theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn về chủ thể hoặc ngữ cảnh).

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công Ty

2.1. Tên Công Ty:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS**

b) Tên tiếng Anh: **VPS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên viết tắt: **VPS**

2.2. Loại hình doanh nghiệp của Công Ty:

Công Ty thuộc loại hình công ty cổ phần, được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng Khoán và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, có tư cách pháp nhân, phù hợp với quy định pháp luật.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công Ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam[2]

b) Điện thoại: 024.7308 0188 Fax: 024.3974 3656

c) Email: ketoanchiphi@vps.com.vn

d) Website: www.vps.com.vn

2.4. Mạng lưới hoạt động:

a) Công Ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

b) Mạng lưới hoạt động của Công Ty bao gồm: Trụ sở chính, các chi nhánh, phòng

[2] Điều 1.6 Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15.

giao dịch và văn phòng đại diện được thành lập theo quy định pháp luật và Điều Lệ này. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin của chi nhánh, phòng giao dịch được đăng tải, cập nhật thường xuyên trên website của Công Ty và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Giấy phép thành lập và hoạt động:

Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2015 và các Giấy phép điều chỉnh trong từng thời kỳ.

2.6. Thời Hạn Hoạt Động:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 70 Điều Lệ hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 71 Điều Lệ, Thời Hạn Hoạt Động là vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại Diện Theo Pháp Luật[3]

3.1. Công Ty có 01 (một) Người Đại Diện Theo Pháp Luật. Người Đại Diện Theo Pháp Luật phải là người giữ chức vụ Tổng Giám Đốc hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.[4] Hội Đồng Quản Trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi Người Đại Diện Theo Pháp Luật từng thời kỳ.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật: Người Đại Diện Theo Pháp Luật là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

a) Quyền của Người Đại Diện Theo Pháp Luật:

(i) Nhân danh Công Ty ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của mình hoặc các giao dịch, hợp đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(ii) Được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật theo quy định tại Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan;

(iii) Các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ này.

b) Nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật:

(i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;

(ii) Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty các thông tin theo

[3] Điều 12, Điều 13 Luật Doanh Nghiệp và Điều 182 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[4] Điều 182.1.a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

quy định pháp luật;

(iv) Chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều 3.2.b Điều Lệ này.

3.3. Ủy quyền của Người Đại Diện Theo Pháp Luật:

a) Người Đại Diện Theo Pháp Luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật.[5]

b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người Đại Diện Theo Pháp Luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền (theo quy định tại Điều 3.3.a nêu trên) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người Đại Diện Theo Pháp Luật trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật.[6]

c) Trường hợp Người Đại Diện Theo Pháp Luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật.[7]

3.4. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định Người Đại Diện Theo Pháp Luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công Ty

4.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty:

a) Nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty bao gồm:

(i) Môi giới chứng khoán;

(ii) Tự doanh chứng khoán;

(iii) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

---

[5] Điều 12.3 Luật Doanh Nghiệp.
[6] Điều 12.4.b Luật Doanh Nghiệp.
[7] Điều 12.5 Luật Doanh Nghiệp.

(iv) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

b) Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Điều 4.1.a nêu trên, Công Ty được:

(i) Kinh doanh chứng khoán phái sinh;

(ii) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

(iii) Cung cấp dịch vụ về chứng khoán như: Lưu ký chứng khoán, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

(iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

c) Công Ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ, ngành, nghề, hoạt động kinh doanh đã nêu tại Điều 4.1.a và Điều 4.1.b nêu trên sau khi đã thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

4.2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty:

a) Mục tiêu hoạt động của Công Ty là:

(i) Tối đa hóa lợi nhuận của khách hàng;

(ii) Gia tăng giá trị của các Cổ Đông;

(iii) Cùng phát triển với đối tác;

(iv) Chăm lo cuộc sống của cán bộ, nhân viên.

b) Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu được quy định tại Điều 4.2.a nêu trên cần cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì Công Ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và nguyên tắc hoạt động của Công Ty

5.1. Phạm vi kinh doanh hoạt động:

Công Ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các nghiệp vụ, ngành, nghề, hoạt động quy định tại Điều Lệ này, theo chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

5.2. Nguyên tắc hoạt động:[8]

a) Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:

(i) Tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật về quản trị Công Ty.

(ii) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc phù hợp với Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

(iii) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các Cổ Đông để đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và đối xử công bằng giữa các Cổ Đông, đảm bảo

[8] Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông.

(iv) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với Người Có Liên Quan.

(v) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:

(i) Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty, quy định pháp luật và điều kiện thực tế của Công Ty.

(ii) Không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.

(iii) Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng; thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty.

(iv) Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

(v) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công Ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

- Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
- Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
- Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
- Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
- Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
- Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

(vi) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

(vii) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.

(viii) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo

đảm hoạt động an toàn và liên tục.

(ix) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

(x) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

(xi) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng Khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền của Công Ty

6.1. Công Ty được thực hiện các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Được tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ, ngành, nghề, hoạt động đã được cấp phép, chấp thuận và/hoặc trong phạm vi pháp luật cho phép;

b) Được thành lập các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

6.2. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí không trái với quy định pháp luật.

6.3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định pháp luật.

6.4. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Nghĩa vụ của Công Ty[9]

7.1. Nghĩa vụ đối với Cổ Đông:

a) Không được thực hiện các hành vi sau:

(i) Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các Cổ Đông (trừ trường hợp đối với Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi trả cổ tức cố định);

(ii) Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các Cổ Đông;

(iii) Cung cấp các khoản vay trái với quy định pháp luật;

(iv) Tạo thu nhập cho Cổ Đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các Cổ Đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

(v) Xâm phạm đến các quyền của Cổ Đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.

[9] Điều 91 Luật Chứng Khoán và Điều 4, Điều 10, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 22, Điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

b) Chịu trách nhiệm về những thông tin công bố cho khách hàng; đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp.

c) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng.

d) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công Ty.

e) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất.

f) Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định pháp luật.

7.3. Những việc Công Ty không được thực hiện:

a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.[10]

b) Không được đưa ra ý kiến về việc tăng hay giảm giá chứng khoán mà không có căn cứ để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch.[11]

c) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch.[12]

d) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng.

e) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản.[13]

f) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán.[14]

g) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công Ty.

h) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng, trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.[15]

i) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.[16]

j) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công Ty mà không có lý do chính đáng; hạn chế phạm vi bồi thường của Công Ty mà không có lý do chính

[10] Điều 91.1 Luật Chứng Khoán.
[11] Điều 13.4.a Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[12] Điều 13.4.b Thông tư 121/2020/TT-BTC.
[13] Điều 13.4.d Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[14] Điều 13.4.e Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[15] Điều 91.2 Luật Chứng Khoán.
[16] Điều 91.3 Luật Chứng Khoán.

đáng hoặc chuyển rủi ro từ Công Ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.[17]

k) Trừ trường hợp quy định tại Điều 86.1 Luật Chứng Khoán, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức. [18]

l) Các quy định cấm và hạn chế khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp[19]

8.1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công Ty. Công Ty phải xây dựng nội quy của Công Ty, chi tiết hóa nội dung của Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.

8.2. Mọi nhân viên của Công Ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp nêu trên.

8.3. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp nêu trên của lãnh đạo và nhân viên của Công Ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 9. Vốn Điều Lệ, cổ phần

9.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là **5.700.057.000.000** (năm nghìn bảy trăm tỷ không trăm năm mươi bảy triệu) đồng.

Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 570.005.700 (năm trăm bảy mươi triệu không trăm linh năm nghìn bảy trăm) cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 (mười nghìn) đồng.

9.2. Công Ty có thể thay đổi, điều chỉnh Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

9.3. Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có quyền phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều Lệ này.

9.4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

9.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác, số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do

[17] Điều 15.3 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[18] Điều 27.1 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[19] Điều 10.2 Luật Chứng Khoán và Điều 4.2 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ Đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có chấp thuận khác.

9.6. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.

9.7. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu[20]

10.1. Cổ Đông được Công Ty cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp Công Ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán thì sẽ thực hiện theo các quy định liên quan.

10.2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành là chứng chỉ (ghi danh), bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ này.

10.3. Cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của Người Đại Diện Theo Pháp Luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Người Đại Diện Theo Pháp Luật. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ Đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

10.4. Công Ty thực hiện cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu theo quy định nội bộ của Công Ty, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và bảo đảm quyền của Cổ Đông.

10.5. Người mua cổ phần, Cổ Đông được cấp chứng nhận cổ phiếu theo quy định nội bộ của Công Ty; nếu là cổ phần chào bán, việc cấp chứng nhận cổ phiếu được thực hiện theo phương án chào bán, phát hành, quy định của Công Ty và phù hợp với quy định pháp luật, bảo đảm quyền của Cổ Đông. Người sở hữu cổ phần, Cổ Đông không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

10.6. Thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại cổ phiếu trong trường hợp cổ phiếu bị mất, thất lạc, rách, nát, hủy hoại theo quy định của Công Ty. Cổ Đông yêu cầu cấp, cấp đổi, cấp lại phải nộp lại cổ phiếu cho Công Ty (nếu có) khi thực hiện thủ tục và chịu trách nhiệm về yêu cầu, cam kết và thông tin của mình.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của Người Đại Diện Theo Pháp Luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Người Đại Diện Theo Pháp Luật và dấu của Công Ty.

[20] Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần[21]

12.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

a) Cổ phần phát hành riêng lẻ, cổ phiếu thưởng cho người lao động/cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về phát hành riêng lẻ chứng khoán và phương án phát hành cổ phần của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

b) Cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định về chào bán chứng khoán riêng lẻ và phương án phát hành cổ phần của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Cổ phiếu của Công Ty, khi được đăng ký tập trung và đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, được chuyển nhượng theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và/hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

12.3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Mua lại cổ phần[22]

13.1. Công Ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

13.2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a) Mua lại theo yêu cầu của Cổ Đông:

Cổ Đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại đoạn này.

Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để Cổ Đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

---

[21] Điều 127 Luật Doanh Nghiệp.
[22] Điều 131, Điều 132 và Điều 133 Luật Doanh Nghiệp.

b) Mua lại theo quyết định của Công Ty:

Công Ty có thể mua lại cổ phần của chính Công Ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều Lệ[23]

14.1. Công Ty có thể tăng, giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định pháp luật.

14.2. Các hình thức tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty:

a) Chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật;

b) Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, chuyển đổi chứng quyền, hoán đổi nợ thành cổ phần theo quy định pháp luật;

c) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;

d) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động;

e) Các hình thức tăng Vốn Điều Lệ khác theo quy định pháp luật.

14.3. Việc giảm Vốn Điều Lệ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán nhưng vẫn phải đảm bảo các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu theo quy định pháp luật.

14.4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Sổ đăng ký Cổ Đông trong trường hợp Công Ty chưa niêm yết[24]

15.1. Công Ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ Đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký Cổ Đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

15.2. Sổ đăng ký Cổ Đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ Đông, ngày đăng ký cổ phần.

---

[23] Điều 112, Điều 123, Điều 135 Luật Doanh Nghiệp và Điều 187 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[24] Điều 122 Luật Doanh Nghiệp.

Sổ đăng ký Cổ Đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký Cổ Đông .

15.3. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi Cổ Đông trong sổ đăng ký Cổ Đông theo yêu cầu của Cổ Đông có liên quan theo quy định tại Điều Lệ này.

15.4. Trường hợp Cổ Đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty để cập nhật vào sổ đăng ký Cổ Đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ Đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của Cổ Đông.

Điều 16. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

16.1. Công Ty thực hiện phát hành chứng quyền có bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.

16.2. Các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm bao gồm:

a) Phát hành, chào bán và niêm yết chứng quyền;

b) Hoạt động tạo lập thị trường cho chứng quyền;

c) Hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền;

d) Môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền;

e) Các nghiệp vụ khác liên quan đến chứng quyền theo quy định của pháp luật.

16.3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty và có các quyền sau đây:

a) Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán do Công Ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có liên quan;

b) Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật;

c) Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật;

d) Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công Ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Bản cáo bạch của từng đợt phát hành, niêm yết chứng quyền có bảo đảm liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát[25]

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

17.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;

17.2. Hội Đồng Quản Trị;

17.3. Ban Kiểm Soát;

17.4. Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG VI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của Cổ Đông[26]

18.1. Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện một số quyền:

(i) Cổ Đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công Ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc cho ý kiến bằng văn bản gửi Đại Hội Đồng Cổ Đông.

(ii) Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh Cổ Đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty không được ngăn cản Cổ Đông tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, đồng thời, phải tạo điều kiện cho Cổ Đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân, tổ chức đều có thể là người đại diện, miễn là được ủy quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp pháp luật có quy định hạn chế. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và không cần phải công chứng.

(iii) Ngoài việc biểu quyết theo quy định tại Điều 18.1.a.(ii) nêu trên, các Cổ Đông có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các hình thức sau:[27]

- Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

(iv) Cổ Đông sở hữu cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau:

- Cổ phần không được thanh toán đầy đủ, đúng hạn;

---

[25] Điều 137.1.a Luật Doanh Nghiệp.
[26] Điều 115, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
[27] Điều 144.3 Luật Doanh Nghiệp.

- Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: Cổ Đông không có quyền biểu quyết thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công Ty nếu Cổ Đông là một bên trong hợp đồng, giao dịch hoặc có lợi ích (dù trực tiếp hay gián tiếp) đến các bên trong hợp đồng, giao dịch;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

c) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà Cổ Đông đang sở hữu.[28]

d) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần: Trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ này, Cổ Đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

g) Quyền được nhận tài sản khi thanh lý Công Ty:

(i) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, Cổ Đông phổ thông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty.[29]

(ii) Thứ tự thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các Cổ Đông thực hiện theo quy định của pháp luật.

h) Quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần[30]:

(i) Cổ Đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điều 18.1.h.(i) này.

(ii) Mức giá mua lại theo được xác định theo quy định tại Điều 13.2.a Điều Lệ này.

(iii) Thời hạn mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.

---

[28] Điều 115.1.c Luật Doanh Nghiệp.
[29] Điều 115.1.g Luật Doanh Nghiệp.
[30] Điều 132 Luật Doanh Nghiệp.

i) Quyền khởi kiện[31]:

(i) Cổ Đông, nhóm Cổ Đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

- Vi phạm trách nhiệm của Người Quản Lý Công Ty theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
- Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

(ii) Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ Đông, nhóm Cổ Đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của pháp luật.

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

18.2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau:

(i) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ

[31] Điều 166 Luật Doanh Nghiệp.

của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền và các tài liệu khác liên quan đến yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

18.3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát thực hiện như sau:

a) Các Cổ Đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty và các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông và trong thời hạn do Hội Đồng Quản Trị thông báo;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Kiểm Soát Viên theo thông báo của Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Kiểm Soát Viên.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết:

(i) Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc tổ chức đề cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

(ii) Ban Kiểm Soát đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên Kiểm Soát Viên hoặc tổ chức đề cử ứng cử viên Kiểm Soát Viên theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

18.4. Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức của Công Ty có các quyền sau:

a) Nhận cổ tức theo quy định tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.

c) Quyền khác như Cổ Đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.4.d dưới đây.

d) Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, không có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và biểu quyết hoặc cho ý kiến bằng văn bản về nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, trừ trường hợp nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.

18.5. Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại của của Công Ty có các quyền sau:

a) Quyền như Cổ Đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.5.c dưới đây.

b) Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ.

c) Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, không có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và biểu quyết hoặc cho ý kiến bằng văn bản về nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, trừ trường hợp nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại và chuyển đổi cổ phần ưu đãi hoàn lại thành cổ phần phổ thông.

18.6. Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Nghĩa vụ của Cổ Đông[32]

Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

[32] Điều 119 Luật Doanh Nghiệp và Điều 6 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

19.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

19.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

19.3. Tuân thủ Điều Lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.

19.4. Chấp hành nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

19.5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

19.6. Tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ.

19.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.

19.8. Cổ Đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên Vốn Điều Lệ của Công Ty và Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó không được sở hữu trên 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.

19.9. Cổ Đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên Vốn Điều Lệ của Công Ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các Cổ Đông khác.

19.10. Cổ Đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên Vốn Điều Lệ của Công Ty phải thông

báo đầy đủ cho Công Ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

a) Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;

b) Cổ Đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

19.11. Các nghĩa vụ khác:

a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, cập nhật kịp thời thông tin khi Cổ Đông có thay đổi địa chỉ thường trú, liên hệ với Công Ty để cập nhật vào sổ đăng ký Cổ Đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ Đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ Đông;

b) Cổ Đông Lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công Ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích của Công Ty và giữ bí mật các hoạt động của Công Ty; bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Đại Hội Đồng Cổ Đông

20.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thông qua hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Công Ty phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

20.2. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty.

20.3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

20.4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện theo quy định tại Điều 20.3.b Điều Lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 20.3.c và 20.3.d Điều Lệ này;

b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 20.4.a Điều Lệ này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 20.4.b Điều Lệ này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 20.3.c Điều Lệ này có quyền yêu cầu đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp;

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 140.5 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông[33]

21.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thông qua hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

21.2. Thẩm quyền, quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông:

a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty;

b) Thông qua báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

c) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

d) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty và kế hoạch kinh doanh hằng

[33] Điều 138, Điều 139.3 Luật Doanh Nghiệp và Điều 7 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

năm của Công Ty;

e) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

g) Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên;

h) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;

i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động, kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập Công Ty khi xét thấy cần thiết;

j) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty;

k) Quyết định việc tổ chức lại và giải thể Công Ty;

l) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông được quyền phân cấp, giao, phân công cho Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan;

m) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 58 Điều Lệ này;

n) Quyết định việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty;

o) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền (bao gồm hình thức phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ) mà không phụ thuộc vào giá trị chào bán, phát hành;

p) Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp;

q) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định pháp luật.

21.3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng

Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và của từng Kiểm Soát Viên;

f) Mức chi trả cổ tức đối với từng loại cổ phần;

g) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác trả cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;

n) Tổ chức lại và giải thể/thanh lý Công Ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 58 Điều Lệ này;

r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;

s) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều Lệ này và quy định pháp luật.

21.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[34]

22.1. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:

[34] Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (email).

22.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 22.1 Điều Lệ này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

22.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ các trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 23. Thay đổi các quyền

23.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi hoặc làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua (với điều kiện thông qua theo Điều 28.1a và 28.1d Điều Lệ) và được số Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

23.2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi theo quy định tại Điều 28.1.f Điều Lệ này chỉ được tổ chức khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ Đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp toàn bộ loại cổ phần ưu đãi cùng loại chỉ do một cổ đông sở hữu, cuộc họp sẽ được tiến hành ngay. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc

qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

23.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 28 Điều Lệ này.

23.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

24.1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 20.3 Điều Lệ này. Các trường hợp Người triệu tập khác được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều Lệ này.

24.2. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

24.3. Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

24.4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

24.5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 24.4 Điều Lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 24.4 Điều Lệ này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

24.6. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 24.4 Điều Lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.5 Điều Lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[35]

25.1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

25.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.1 Điều Lệ này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết.

25.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.2 Điều Lệ này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

[35] Điều 145 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[36]

26.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó.

26.2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điều 26.2.a Điều Lệ này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

26.3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

26.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

26.5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

---

[36] Điều 146 Luật Doanh Nghiệp.

26.6. Cổ Đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

26.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

26.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

26.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 26.8 Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

26.10. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 27. Bầu dồn phiếu[37]

27.1 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

27.2 Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều

[37] Điều 148.3 Luật Doanh Nghiệp.

Lệ.

Điều 28. Điều kiện để nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua và hiệu lực nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

28.1 Điều kiện để nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua:[38]

a) Trừ các vấn đề tại Điều 28.1.b, Điều 28.1.c và Điều 28.1.f Điều Lệ này, các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

(i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

(iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

(v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều Lệ này.

d) Trường hợp thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành.

e) Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông báo đến Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày thông qua bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc cách thức khác theo quy định của Công Ty. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được công bố thông tin theo quy định.

f) Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

[38] Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

28.2 Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông:[39]

a) Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ thời điểm có hiệu lực được nêu chi tiết/cách thức thực hiện trong nghị quyết.

b) Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định (bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về thời hạn, thể thức, phương thức thực hiện thông báo; tổ chức họp, tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản; Nội dung, thể thức trình bày, thông qua Biên bản họp).

c) Trường hợp nghị quyết đã được thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị Cổ Đông, nhóm Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[40]

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

29.1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả các vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều Lệ;

b) Định hướng phát triển Công Ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm Soát Viên;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

29.2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu

[39] Điều 152 Luật Doanh Nghiệp.
[40] Điều 149 Luật Doanh Nghiệp.

cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 24.3 Điều Lệ này.

29.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị khác được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền.

29.4. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

29.5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

29.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

29.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

29.8. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

29.9. Hội Đồng Quản Trị quy định chi tiết trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Điều 30. Nghị quyết, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[41]

30.1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

[41] Điều 150 Luật Doanh Nghiệp.

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 30.1 Điều Lệ này (trừ họ, tên, chữ ký của chủ tọa và/hoặc thư ký đã từ chối ký). Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

30.2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

30.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

30.4. Nghị quyết, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đôngvà tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty và công bố theo quy định.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[42]

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

31.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Điều 28.2.b Điều Lệ này;

31.2. Nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị và tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị

32.1. Ứng cử và đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị:[43]

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải

[42] Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.
[43] Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm:

(i) Họ tên; ngày, tháng, năm sinh;

(ii) Trình độ chuyên môn;

(iii) Quá trình công tác;

(iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác);

(v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

(vi) Các thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ này.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

32.2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị:[44]

a) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị:

(i) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh Nghiệp;

(ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông;

(iii) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), Trưởng Ban kiểm soát của công ty chứng khoán khác;

(iv) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên của tối đa 05 (năm) công ty khác, trừ trường hợp được quy định tại Điều 32.2.a.iii Điều Lệ;

(v) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

[44] Điều 155 Luật Doanh Nghiệp; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành:

(i) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 32.2.a Điều Lệ;

(ii) Không đồng thời là Người Điều Hành Công Ty;[45]

(iii) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

c) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị:

(i) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 32.2.a Điều Lệ;

(ii) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

(iii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

(iv) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông Lớn; không phải là Người Quản Lý Công Ty hoặc người quản lý của công ty con của Công Ty;

(v) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

(vi) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

(vii) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[46]

33.1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

[45] Điều 3.56 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[46] Điều 154 Luật Doanh Nghiệp và Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

33.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

33.3. Nếu tại thời điểm Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

33.4. Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị như sau:

a) Khi Công Ty là công ty đại chúng, số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành phải đảm bảo quy định sau:

(i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

(ii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 08 (tám) thành viên;

(iii) Có tối thiểu 03 (ba) thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên.

b) Khi Công Ty là công ty đại chúng niêm yết, số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo quy định sau:

(i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

(ii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 08 (tám) thành viên;

(iii) Có tối thiểu 03 (ba) thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên.

33.5. Khi Công Ty không được công nhận là công ty đại chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán, cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị được áp dụng theo cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

33.6. Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[47]

34.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 32.2 Điều Lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

34.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

34.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị.

34.4. Việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định như sau:

a) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều Lệ, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị tối thiểu theo quy định pháp luật, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị tối thiểu theo quy định pháp luật;[48]

c) Khi thành viên độc lập Hội Đồng Quản trị không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 32.2.c Điều Lệ, Hội Đồng Quản Trị phải thông báo tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện;[49]

[47] Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
[48] Điều 140.1 và Điều 140.2 Luật Doanh Nghiệp.
[49] Điều 155.3 Luật Doanh Nghiệp.

d) Trừ các trường hợp được quy định cụ thể, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị[50]

35.1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

35.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định chào bán, phát hành và phương án phát hành trái phiếu chào bán riêng lẻ và trái phiếu chào bán ra công chúng (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông) mà không phụ thuộc vào giá trị chào bán, phát hành;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133.1 và Điều 133.2 Luật Doanh Nghiệp; quyết định giá mua lại cổ phần không trái với quy định pháp luật;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này; quyết định, thông qua việc đầu tư, mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Quyết định, thông qua việc mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

[50] Điều 133, Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc và các chức danh khác do Điều Lệ quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc và các chức danh khác do Điều Lệ quy định; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Người Quản Lý Công Ty, Phó Tổng Giám Đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công Ty; quyết định việc đăng ký mua, thành lập, góp vốn, mua hoặc nhận chuyển nhượng (dưới mọi hình thức) phần vốn góp, cổ phần tại tổ chức, doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định pháp luật và Điều Lệ;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định pháp luật;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ Đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;

q) Xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công Ty; xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, quy trình nội bộ khác của Công Ty theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

r) Ban hành quy định nội bộ để quy định nguyên tắc, phân cấp về thẩm quyền, quyết định theo thực tế hoạt động trong từng thời kỳ;

s) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật;[51]

t) Giải quyết xung đột trong Công Ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ Đông và Công Ty. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận

[51] Điều 8.4 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công Ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

u) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Tổng Giám Đốc đệ trình (nếu có), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận, thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

v) Có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Tổng Giám Đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;

w) Quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi Người Đại Diện Theo Pháp Luật trong từng thời kỳ;

x) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

y) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

35.3. Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

35.4. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo quy định pháp luật.

Điều 36. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[52]

36.1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

36.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

36.3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

36.4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần,

[52] Điều 163 Luật Doanh Nghiệp.

lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

36.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.

36.6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị[53]

37.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

37.2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc.[54]

37.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị; thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội Đồng Quản Trị;

g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

h) Lên lịch họp Hội Đồng Quản Trị và các bộ phận, tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị;

i) Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

j) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám Đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Tổng Giám Đốc;

k) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị với Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

l) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ Đông;

[53] Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
[54] Điều 156.2 Luật Doanh Nghiệp và Điều 275.2 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

m) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội Đồng Quản Trị, các bộ phận, tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

n) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành hoạt động một cách có hiệu quả; thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị;

o) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc Hội Đồng Quản Trị ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

p) Quyết định, thông qua việc đầu tư, mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc các trường hợp có đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị đệ trình lên Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, quyết định. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

q) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh và quyết định các vấn đề khác liên quan đến nhân sự theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

37.4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

37.5. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

37.6. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc (nếu có) được quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

37.7. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị đồng thời là Người Đại Diện Theo Pháp Luật thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo quy định của Điều Lệ về Người Đại Diện Theo Pháp Luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

38.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được cung cấp thông tin theo quy định như sau:[55]

(i) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;

(ii) Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin trong trường hợp này được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

b) Được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 36 Điều Lệ;

c) Được ủy quyền cho người khác dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;[56]

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và/hoặc nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông;

g) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

h) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; thảo luận và biểu quyết về các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp, trừ các trường hợp không được quyền thảo luận và biểu quyết theo quy định pháp luật và Điều Lệ;

i) Thông báo đầy đủ, chính xác, kịp thời cho Công Ty về các nội dung được quy

[55] Điều 159 Luật Doanh Nghiệp.
[56] Điều 157.11 Luật Doanh Nghiệp.

định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp;

j) Không được tăng thù lao, trả thưởng khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

38.2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 38.1 Điều Lệ, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đề xuất với Hội Đồng Quản Trị tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm Soát tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị phản đối đề nghị này;

b) Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Người Quản Lý Công Ty;

d) Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết;

e) Khi Công Ty là công ty đại chúng niêm yết, từng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 39. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị

39.1. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến qua thư điện tử (email) hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.[57]

39.2. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.[58]

39.3. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến qua thư điện tử (email) hoặc hình thức khác, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

[57] Điều 153.3 Luật Doanh Nghiệp.
[58] Điều 157.12 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 40. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị[59]

40.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

40.2. Hội Đồng Quản Trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Hội Đồng Quản Trị có thể họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được thực hiện bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc hình thức khác. Địa điểm cuộc họp là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

40.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người Quản Lý Công Ty khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

40.4. Đề nghị quy định tại Điều 40.3 Điều Lệ phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

40.5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 40.3 Điều Lệ. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

40.6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

40.7. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành văn bản và có thể gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email) hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

[59] Điều 157 và Điều 158 Luật Doanh Nghiệp.

40.8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

40.9. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều 40.9 này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

40.10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

e) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

f) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 40.12 Điều Lệ;

g) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

h) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (email).

40.11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

40.12. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

40.13. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được quyền tham gia biểu quyết đối với những vấn đề mà pháp luật và Điều Lệ này quy định thành viên đó không được quyền biểu quyết.

40.14. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị:

a) Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; thời gian, địa điểm họp;

(iii) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(iv) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(v) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vi) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

(viii) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 40.14.a Điều Lệ (trừ họ, tên, chữ ký của chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản đã từ chối ký) thì biên bản này có hiệu lực. Trong trường hợp này:

- Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp;
- Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị;
- Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

c) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa bản bằng tiếng Việt và bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

d) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 41. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản

41.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

41.2. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (bao gồm cả hình thức gửi thư điện tử (email) tới các địa chỉ thư điện tử (email) của các thành viên).

41.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty;

g) Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

41.4. Khi nhận được phiếu lấy ý kiến, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm cho ý kiến và trả lời bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có họ, tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị và gửi về Công Ty theo quy định của Công Ty.

41.5. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) Kiểm Soát Viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản kiểm phiếu phải có phụ lục danh sách thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của cá nhân/đơn vị/phòng ban phụ trách kiểm phiếu và Kiểm Soát Viên giám sát.

41.6. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản và Kiểm Soát Viên giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

41.7. Biên bản kiểm phiếu kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

41.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

41.9. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Điều 42. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email)

42.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email).

42.2. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi từ địa chỉ thư điện tử (email) của cá nhân/đơn vị được phân công hoặc của Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tới địa chỉ thư điện tử (email) của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (do các thành viên Hội Đồng Quản Trị cung cấp).

42.3. Phiếu lấy ý kiến được lập dưới dạng thư điện tử (email) và phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục đích lấy ý kiến;

b) Vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d) Thời hạn phải gửi ý kiến và địa chỉ thư điện tử (email) nhận ý kiến.

42.4. Ý kiến của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến) phải được gửi trực tiếp từ địa chỉ thư điện tử (email) của thành viên đó theo đúng quy định.

42.5. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm tra ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) Kiểm Soát Viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Tổng số thư điện tử (email) gửi lấy ý kiến đã gửi đi, tổng số thư điện tử (email) biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đã nhận về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản kiểm phiếu phải có phụ lục danh sách thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của cá nhân/đơn vị/phòng ban phụ trách kiểm phiếu và Kiểm Soát Viên giám sát.

42.6. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email) và Kiểm Soát Viên giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

42.7. Biên bản kiểm phiếu kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

42.8. Các thư điện tử (email) đã gửi đi và đã nhận về, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

42.9. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email) có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

43.1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Các nghị quyết, quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

43.2. Việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ, các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị Công Ty[60]

44.1. Khi Công Ty là công ty đại chúng, Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Điều 156.5 Luật Doanh Nghiệp.

44.2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

44.3. Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

[60] Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy điều hành

Hệ thống điều hành của Công Ty phải đảm bảo bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc (nếu có, tùy từng thời kỳ) và Kế toán trưởng của Công Ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 46. Người Điều Hành Công Ty

46.1. Người Điều Hành Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng của Công Ty.

46.2. Công Ty được tuyển dụng các chức danh khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và các quy chế, quy định nội bộ của Công Ty. Người Điều Hành Công Ty phải có trách nhiệm hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

46.3. Tổng Giám Đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định.[61]

46.4. Tiền lương của Tổng Giám Đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.[62]

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám Đốc

47.1. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

47.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám Đốc:

a) Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Tùy nhu cầu quản lý và điều hành thực tế, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Phó Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám

[61] Điều 163.2 Luật Doanh Nghiệp.
[62] Điều 163.3 Luật Doanh Nghiệp.

Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b) Hội Đồng Quản Trị có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc.

47.3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Tổng Giám Đốc:

a) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám Đốc:[63]

(i) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh Nghiệp;

(ii) Không được là Người Có Liên Quan của Người Quản Lý Công Ty, Kiểm Soát Viên và Kiểm soát viên của công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty và công ty mẹ theo quy định tại Điều 4.46.d Luật Chứng Khoán;

(iii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty;

(iv) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

(v) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định pháp luật;

(vi) Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

(vii) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

(viii) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám Đốc:[64]

(i) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh Nghiệp;

(ii) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;

(iii) Nếu là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách nghiệp vụ thì phải đáp ứng:

- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ

[63] Điều 162.5 Luật Doanh Nghiệp; Điều 74.5 Luật Chứng Khoán và Điều 10 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.
[64] Điều 74.5 Luật Chứng Khoán và Điều 10 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

- Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách;

(iv) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

47.4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám Đốc:

a) Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:[65]

(i) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

(ii) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

(iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

(iv) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

(v) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

(vi) Quyết định tiền lương, thưởng, các lợi ích khác đối với người lao động và quyết định các vấn đề khác liên quan đến nhân sự, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

(vii) Lập và trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

(viii) Ban hành các quy chế, quy định, quy trình nội bộ trong phạm vi thẩm quyền của mình; thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

(ix) Tuyển dụng lao động trong phạm vi thẩm quyền của mình;

(x) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

(xi) Được áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội Đồng Quản Trị để giải quyết tiếp;

(xii) Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị bất thường theo quy định tại Điều Lệ này;

[65] Điều 162.3 Luật Doanh Nghiệp.

(xiii) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và/hoặc nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

(xiv) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

(xv) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông;

(xvi) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(xvii) Thông báo đầy đủ, chính xác, kịp thời cho Công Ty về các nội dung được quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp;

(xviii) Không được tăng lương, trả thưởng khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

(xix) Được hưởng tiền lương và thưởng theo quy định tại Điều 46 Điều Lệ;

(xx) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

b) Phó Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều Lệ, các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty và theo phân công, phân cấp, giao, ủy quyền của Tổng Giám Đốc.

Điều 48. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ[66]

48.1. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc.

48.2. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

[66] Điều 12 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e) Tách biệt tài sản của khách hàng;

f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám Đốc giao;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

48.3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với nhân sự của Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ:

a) Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

b) Trưởng Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là Người Có Liên Quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công Ty;

d) Có Chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán/Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty;

f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC BỘ PHẬN KHÁC

Điều 49. Ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên[67]

49.1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 32.1.a và Điều 32.1.b Điều Lệ.

49.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.3 Điều Lệ đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

[67] Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 50. Thành phần Ban Kiểm Soát[68]

50.1. Số lượng Kiểm Soát Viên ít nhất là 03 (ba) Kiểm Soát Viên và nhiều nhất là 05 (năm) Kiểm Soát Viên. Số lượng Kiểm Soát Viên cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

50.2. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.

50.3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

50.4. Nếu tại thời điểm Ban Kiểm Soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

50.5. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm Soát Viên:[69]

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh Nghiệp;

b) Được đào tạo 01 (một) trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý Công Ty và của người quản lý của công ty mẹ của Công Ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ của Công Ty và tại Công Ty;

d) Không phải là Người Quản Lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;

e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;

f) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

50.6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Trưởng Ban Kiểm Soát:[70]

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm Soát Viên được quy định tại Điều 50.5 Điều Lệ;

b) Không được đồng thời là Kiểm soát viên hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

---

[68] Điều 168 Luật Doanh Nghiệp và Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

[69] Điều 169 Luật Doanh Nghiệp; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

[70] Điều 168, Điều 169 Luật Doanh Nghiệp; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

c) Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

50.7. Kiểm Soát Viên bị Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:[71]

a) Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 50.5 Điều Lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

50.8. Kiểm Soát Viên bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:[72]

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định pháp luật và Điều Lệ;

d) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Điều 51. Trưởng Ban Kiểm Soát

51.1. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

51.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;

b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát[73]

Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

---

[71] Điều 174.1 Luật Doanh Nghiệp.
[72] Điều 174.2 Luật Doanh Nghiệp.
[73] Điều 170, Điều 171, Điều 173 Luật Doanh Nghiệp; Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC.

52.1. Thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty;

52.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

52.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;

52.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;

52.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ;

52.6. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 52.6 này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

52.7. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

52.8. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty vi phạm quy định pháp luật và/hoặc Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

52.9. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, Cổ Đông hoặc khách hàng, Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

52.10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;

52.11. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao;

52.12. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

52.13. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

52.14. Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;

52.15. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

52.16. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông;

52.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

52.18. Báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định pháp luật;

52.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý Công Ty và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;

52.20. Có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty;

52.21. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 53. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát[74]

53.1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng Kiểm Soát Viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Kiểm Soát Viên. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm Soát Viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm Soát Viên.

53.2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên[75]

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định sau đây:

[74] Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[75] Điều 172 Luật Doanh Nghiệp.

54.1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát.

54.2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

54.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 55. Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ[76]

55.1. Hoạt động của Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Tính độc lập: Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ độc lập với các bộ phận khác của Công Ty; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của Công Ty; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;

b) Tính khách quan: Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công Ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình. Nhân viên Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

c) Tính trung thực: Kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;

d) Bảo mật: Nhân viên Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ, trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty.

55.2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với nhân sự của Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ:

[76] Điều 9 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b) Trưởng Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là Người Có Liên Quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công Ty;

d) Có Chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán/Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty;

f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Điều 56. Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro

Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

56.1. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công Ty và từng bộ phận trong Công Ty;

56.2. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công Ty;

56.3. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro nhằm hoàn thiện hệ thống này;

56.4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty.

Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi[77]

57.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

[77] Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

57.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty và những Người Có Liên Quan của các đối tượng này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

57.3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con của Công Ty, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

57.4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

57.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty và những Người Có Liên Quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 58. Các giao dịch phải được chấp thuận[78]

58.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với những đối tượng sau đây:

a) Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty phải kê khai theo quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

58.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng, giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa Công Ty với 01 (một) trong các đối tượng được quy định tại Điều 58.1 Điều Lệ;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa

[78] Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% (năm mươi mốt phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.

Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

58.3. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với 01 (một) trong các đối tượng được quy định tại Điều 58.1 Điều Lệ, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định tại Điều 58.2 Điều Lệ.

Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

58.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc Người Quản Lý Công Ty có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

59.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

59.2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

59.3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc

này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

60.1. Cổ Đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ Đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông;[79]

b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 18.2 Điều Lệ có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty.[80]

60.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo bản gốc giấy ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

60.3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

60.4. Công Ty phải lưu giữ Điều Lệ và những bản sửa đổi, bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác phù hợp với quy định pháp luật.

60.5. Điều Lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

[79] Điều 115.1 Luật Doanh Nghiệp.
[80] Điều 115.2 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 61. Công nhân viên và công đoàn

61.1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành Công Ty.

61.2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ, các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 62. Phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh

62.1. Trả cổ tức:

a) Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

b) Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

c) Hội Đồng Quản Trị kiến nghị mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần; quyết định thời hạn, hình thức và thủ tục trả cổ tức.

d) Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.

e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

f) Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

g) Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định pháp luật.

62.2. Trích lập quỹ:

a) Hằng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

(ii) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

b) Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Điều 62.2.a nêu trên thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công Ty.

62.3. Xử lý lỗ trong kinh doanh: Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 63. Tài khoản ngân hàng

63.1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

63.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết và pháp luật có quy định, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

63.3. Công Ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản theo quy định pháp luật.

Điều 64. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 65. Chế độ kế toán

65.1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

65.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

65.3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÁC LOẠI BÁO CÁO KHÁC VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 66. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

66.1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

66.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.

66.3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 67. Báo cáo thường niên và các loại báo cáo khác

67.1. Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

67.2. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:[81]

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.

Các báo cáo quy định tại Điều 67.2.a, Điều 67.2.b và Điều 67.2.c Điều Lệ này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 68. Kiểm toán

68.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị hoặc cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định lựa chọn một trong số các công ty này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo.

68.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.

---

[81] Điều 175 Luật Doanh Nghiệp.

68.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được phát biểu ý kiến về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 69. Dấu của Công Ty

69.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

69.2. Hội Đồng Quản Trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công Ty (nếu có).

69.3. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 70. Giải thể, phá sản và tổ chức lại Công Ty

70.1. Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc Thời Hạn Hoạt Động mà không gia hạn;

b) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

70.2. Công Ty thực hiện tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

70.3. Trình tự, thủ tục giải thể, phá sản, tổ chức lại Công Ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 71. Gia hạn hoạt động

71.1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động để Cổ Đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.

71.2. Thời Hạn Hoạt Động được gia hạn khi có số Cổ Đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành.

Điều 72. Thanh lý

72.1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó, 02 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

72.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành Lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

72.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công Ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều 72.3.a đến Điều 72.3.d Điều Lệ sẽ được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 73. Giải quyết tranh chấp nội bộ

73.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định pháp luật, Điều Lệ hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ Đông với Công Ty;

b) Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc Người Điều Hành Công Ty.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, các bên tranh chấp sẽ nỗ lực một cách tối đa để tự thương lượng, giải quyết tranh chấp.

73.2. Trường hợp tranh chấp không được giải quyết trong vòng 06 (sáu) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình thương lượng, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

73.3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

CHƯƠNG XX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

74.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.

74.2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều Lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 75. Ngày hiệu lực

75.1. Điều Lệ này gồm 21 (hai mươi mốt) chương, 75 (bảy mươi lăm) điều và có hiệu lực kể từ ngày ___ tháng ___ năm ____.

75.2. Điều Lệ được lập thành 02 (hai) bản gốc, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

75.3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.

75.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS